

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

kèm theo

BÁO CÁO SOÁT XÉT
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Được soát xét bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI - CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 296 Phan Xích Long, phường 2, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3517 1936 Fax: (08) 3517 1935

Tháng 08 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

01 - 03

BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

04 - 05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

06 - 09

Báo cáo thu nhập toàn diện riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

10 - 11

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

12 - 14

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

15

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

16 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

CÔNG TY

Thành lập:	Giấy phép thành lập và hoạt động số 95/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 08 năm 2008 và các giấy phép điều chỉnh sau này.
Vốn điều lệ:	135.000.000.000 đồng Việt Nam.
Hoạt động chính trong năm:	Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tự doanh chứng khoán.
Trụ sở chính:	Số 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Vị trí</u>
Ông Trần Đức Thuận	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Trường	Thành viên
Bà Dương Quỳnh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Vị trí</u>
Ông Trần Đức Thuận	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Dương Quang Thoại	Trưởng ban	-	-
Bà Phạm Thị Oanh	Thành viên	01/06/2016	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Huy Phương	Thành viên	30/06/2014	01/06/2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Đức Thuận.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI) đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016



Số tham chiếu: 16-2-0042/BCKT-BCTC-CPAHANOI-CNHCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 12 tháng 08 năm 2016 bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo thu nhập toàn diện riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 được trình bày từ trang 06 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Công ty có Hợp đồng mua bán nợ chuyển đổi số SCSC-02/04-2015 được ký vào ngày 09/04/2015 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCSC) (xem thuyết minh số 10 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Theo đó, SCSC đồng ý bán một phần nợ chuyển đổi phát hành năm 2015 cho Công ty với giá trị khoản nợ chuyển đổi là 29.383.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là trong vòng 2 năm kể từ ngày ký Hợp đồng mua nợ chuyển đổi, lãi suất đơn 4%/năm (lãi suất này sẽ không áp dụng đối với phần khoản nợ chuyển đổi đã được chuyển đổi thành cổ phần), thanh toán lãi một lần vào ngày tròn năm của khoản nợ chuyển đổi. Khoản nợ sẽ được chuyển đổi thành cổ phần SCSC như sau: sau 12 tháng kể từ ngày hợp đồng ký kết nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC tăng trên 60% (so với năm trước) thì chuyển đổi 60% số nợ trên thành cổ phần SCSC theo mức giá chuyển đổi là 12.000 đồng/cổ phần, sau 24 tháng kể từ ngày hợp đồng ký kết nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC tăng trên 60% (so với năm trước) thì chuyển đổi 40% số nợ còn lại thành cổ phần SCSC theo mức giá chuyển đổi là 12.000 đồng/cổ phần. Nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC không đạt trên 60% (so với năm trước) thì không thực hiện việc chuyển đổi, SCSC sẽ hoàn trả nợ gốc cho Công ty. Nếu chuyển đổi thì SCSC sẽ phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty và số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày phát hành. Nguồn vốn thực hiện khoản đầu tư trên bao gồm vốn tự có của Công ty (2.938.000.000 đồng) và vốn huy động (26.445.000.000 đồng). Vốn huy động là vốn nhận được từ Hợp đồng hợp tác góp vốn đầu tư số 01/ISC-2015/ISC với một doanh nghiệp khác. Theo đó, doanh nghiệp này sẽ góp vốn tương ứng với tỷ lệ 90% trên tổng vốn dùng để mua nợ chuyển đổi trên và Công ty góp vốn tương ứng với tỷ lệ 10% trên tổng vốn này. Sau khi kết thúc thời hạn hợp tác, hiệu quả hợp tác góp vốn đầu tư được phân chia theo tỷ lệ Công ty và doanh nghiệp khác là 10:90. Tại ngày 29 tháng 06 năm 2016, 60% số nợ đã được chuyển đổi thành 1.469.150 cổ phần theo Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần số CD2149 do Công ty SCSC cấp cho Công ty (hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày phát hành). Đồng thời Công ty cũng nhận được khoản lãi theo quy định của hợp đồng là 1.192.000.930 đồng trong đó lãi doanh nghiệp hợp tác được hưởng là 857.983.598 đồng (sau thuế Thu nhập doanh nghiệp). Các hợp đồng liên quan tới giao dịch này đã được cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán tại công văn số 10016/2016-ISC ngày 22 tháng 06 năm 2016.

Ngoài ra, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 29 về khoản thu nhập khác từ cho thuê mặt bằng của Công ty. Công ty chưa đăng ký ngành nghề cho thuê tài sản.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh này.

Báo cáo soát xét được lập thành 08 (tám) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam giữ 07 (bảy) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh giữ 01 (một) bản.

Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh



Tô Quang Tung – Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN: 0270-2013-016-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu kỳ VND</i>
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		166.678.568.392	149.598.059.932
<i>Tài sản tài chính</i>	<i>110</i>		<i>166.044.007.543</i>	<i>149.261.304.917</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4	105.662.654.489	144.130.717.086
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>5.662.654.489</i>	<i>6.130.717.086</i>
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>111.2</i>		<i>100.000.000.000</i>	<i>138.000.000.000</i>
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	6a	39.074.800.000	-
Các khoản cho vay	114	8	20.758.147.714	4.592.611.551
Các khoản phải thu	117	9	217.777.778	258.878.000
<i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	<i>117.4</i>		<i>217.777.778</i>	<i>258.878.000</i>
Các khoản phải thu khác	122	10	23.025.082.669	22.973.553.387
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	11	(22.694.455.107)	(22.694.455.107)
Tài sản ngắn hạn khác	130		634.560.849	336.755.015
Tạm ứng	131		397.637.922	355.872.087
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12	256.039.999	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		12.999.700	12.999.700
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	136	13	(32.116.772)	(32.116.772)
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.616.567.282	32.757.590.469
<i>Tài sản tài chính dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>11.753.200.000</i>	<i>29.383.000.000</i>
Các khoản phải thu dài hạn	211	10	11.753.200.000	29.383.000.000
Tài sản cố định	220		300.758.575	143.040.730
Tài sản cố định hữu hình	221	14	121.022.728	43.041.647
<i>Nguyên giá</i>	<i>222</i>		<i>6.797.411.210</i>	<i>6.775.195.115</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>223a</i>		<i>(6.676.388.482)</i>	<i>(6.732.153.468)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	15	179.735.847	99.999.083
<i>Nguyên giá</i>	<i>228</i>		<i>1.304.058.000</i>	<i>1.154.058.000</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>229a</i>		<i>(1.124.322.153)</i>	<i>(1.054.058.917)</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	16	318.000.000	45.000.000
Tài sản dài hạn khác	250		3.244.608.707	3.186.549.739
Chi phí trả trước dài hạn	252	12	255.896.046	265.949.900
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	17	2.988.712.661	2.920.599.839
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		182.295.135.674	182.355.650.401

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG
NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 30 tháng 06 năm 2016**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu kỳ VND</i>
NỢ PHẢI TRẢ	300		31.339.887.138	31.137.749.583
<i>Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>4.036.903.540</i>	<i>4.692.749.583</i>
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	18	148.699.372	112.384.773
Phải trả người bán ngắn hạn	320	19	1.269.016.064	1.489.914.993
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	20	863.748.410	1.033.991.786
Phải trả người lao động	323		274.477.270	729.453.772
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		216.011.835	94.640.521
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	21	50.000.000	72.821.291
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		408.240.000	408.240.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	22	605.169.546	549.761.404
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		201.541.043	201.541.043
<i>Nợ phải trả dài hạn</i>	<i>340</i>		<i>27.302.983.598</i>	<i>26.445.000.000</i>
Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353	22	27.302.983.598	26.445.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		150.955.248.536	151.217.900.818
<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>		<i>150.955.248.536</i>	<i>151.217.900.818</i>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		145.584.000.000	145.584.000.000
- <i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>411.1</i>	23a	<i>135.000.000.000</i>	<i>135.000.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>411.1a</i>		<i>135.000.000.000</i>	<i>135.000.000.000</i>
- <i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>411.2</i>		<i>10.584.000.000</i>	<i>10.584.000.000</i>
Lợi nhuận chưa phân phối	417		5.371.248.536	5.633.900.818
<i>Lợi nhuận đã thực hiện</i>	<i>417.1</i>		<i>5.371.248.536</i>	<i>5.633.900.818</i>
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		182.295.135.674	182.355.650.401

(Các thuyết minh từ trang 16 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu kỳ VND</i>
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006	23b	13.500.000	13.500.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008		8.000.000.000	-
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	008.1		8.000.000.000	-
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012		14.691.500.000	-
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	24	775.734.830.000	380.119.830.000
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		501.087.280.000	201.376.350.000
TSTC giao dịch cầm cố	021.3		147.500.000.000	135.000.000.000
TSTC phong tỏa, tạm giữ	021.4		120.798.850.000	38.561.680.000
TSTC chờ thanh toán	021.5		6.348.700.000	5.181.800.000
TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		34.018.750.000	31.238.420.000
TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		33.718.750.000	30.807.420.000
TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4		300.000.000	431.000.000
TSTC chờ về của Nhà đầu tư	023		4.180.200.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG
NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 30 tháng 06 năm 2016**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu kỳ VND</i>
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tiền gửi của khách hàng	026		34.916.216.784	28.542.015.875
Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	027		34.916.216.784	28.542.015.875
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	027.1		34.916.216.784	28.542.015.875
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030		34.916.216.784	28.542.015.875
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030.1		34.916.216.784	28.542.015.875

Dương Quỳnh
Người lập biểu

Dương Quỳnh
Q. Kế toán trưởng



Trần Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG
NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 30 tháng 06 năm 2016**

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		500.933.111	498.911.112
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL)</i>	<i>01.3</i>	<i>25</i>	<i>500.933.111</i>	<i>498.911.112</i>
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	26	288.690.297	475.444.762
Doanh thu môi giới chứng khoán	06		2.963.549.272	1.349.692.543
Doanh thu tư vấn	08		80.000.000	45.000.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	10		143.740.598	79.771.431
Thu nhập hoạt động khác	11		357.043	8.438.307
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -> 11)	20		3.977.270.321	2.457.258.155
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Chi phí hoạt động tự doanh	26		232.096.000	-
Chi phí môi giới chứng khoán	27		2.121.556.907	448.646.625
Chi phí tư vấn	29		319.396.519	181.063.489
Chi phí lưu ký chứng khoán	31		262.406.273	42.662.182
Chi phí khác	32		212.052.000	242.413.740
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -> 33)	40		3.147.507.699	914.786.036
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	42		84.228.685	30.631.045
Doanh thu khác về đầu tư	44		1.191.643.887	-
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	50	27	1.275.872.572	30.631.045
CHI PHÍ QUẢN LÝ CTCK	62	28	3.488.539.519	4.830.567.090
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-62)	70		(1.382.904.325)	(3.257.463.926)

(Các thuyết minh từ trang 16 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMĐịa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 30 tháng 06 năm 2016****BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG (tiếp theo)**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
Thu nhập khác	71	29	2.463.710.421	3.159.749.872
Chi phí khác	72	30	375.383.149	80.000.000
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71-72)	70		2.088.327.272	3.079.749.872
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70+80)				
Lợi nhuận đã thực hiện	91		705.422.947	(177.714.054)
CHI PHÍ THUẾ TNDN				
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	31	110.091.631	-
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90-100)	200		595.331.316	(177.714.054)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	201		595.331.316	(177.714.054)
THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	32	(19)	(13)

Dương Quỳnh
Người lập biểuDương Quỳnh
Q. Kế toán trưởngTrần Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
<i>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế TNDN</i>	<i>01</i>		<i>705.422.947</i>	<i>(177.714.054)</i>
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>	<i>02</i>			
Khấu hao TSCĐ	03		115.009.428	443.371.749
Chi phí phải trả, chi phí trả trước	06		(268.807.436)	426.680.992
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư (đầu tư công ty con, liên doanh, liên kết)	07		(1.276.781.663)	(30.631.045)
<i>Thay đổi tài sản và nợ phải trả hoạt động</i>	<i>30</i>		<i>(725.156.724)</i>	<i>661.707.642</i>
(Tăng)/giảm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	31		(39.074.800.000)	-
(Tăng)/giảm các khoản cho vay	33		(16.165.536.163)	8.107.454
(Tăng)/giảm các tài sản khác	35		(109.878.657)	(367.094.260)
(Tăng)/giảm các phải thu	36		41.100.222	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>42</i>		<i>(56.034.271.322)</i>	<i>302.720.836</i>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác	47		17.578.270.718	94.777.778
Tăng/(giảm) phải trả cho người bán	48		(220.898.929)	277.703.666
Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	50		(15.516.583)	(174.433.329)
Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác	51		(241.882.447)	25.383.813.257
Tăng/(giảm) thuế TNDN CTCK đã nộp	52		(264.818.424)	(943.122.079)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	54		-	(148.341.112)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>60</i>		<i>(39.199.116.987)</i>	<i>24.793.119.017</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG
NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 30 tháng 06 năm 2016**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	61		(545.727.273)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	62		909.091	-
Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63		-	(29.383.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	65		1.275.872.572	30.631.045
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		731.054.390	(29.352.368.955)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		-	-
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		(38.468.062.597)	(4.559.249.938)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	4	144.130.717.086	147.994.565.926
Trong đó:				
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	102		3.637.502.444	547.271.367
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	102.1		3.637.502.444	547.271.367
Các khoản tương đương tiền	102.2		138.000.000.000	145.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	4	105.662.654.489	143.435.315.988
Trong đó:				
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	104		5.445.775.961	77.943.529
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	104.1		5.445.775.961	77.943.529
Các khoản tương đương tiền	104.2		100.000.000.000	140.000.000.000

(Các thuyết minh từ trang 16 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 30 tháng 06 năm 2016**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG				
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		836.189.450.310	438.501.298.679
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(3.548.786.146.755)	(2.025.302.153.380)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	09		2.678.672.583.159	1.573.795.971.161
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(196.335.385)	(110.084.975)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		40.494.649.580	4.890.997.738
<i>Tăng/giảm lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>20</i>		<i>6.374.200.909</i>	<i>(8.223.970.777)</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng				
<i>Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:</i>	<i>31</i>		<i>28.542.015.875</i>	<i>20.332.679.152</i>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		28.542.015.875	20.332.679.152
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng				
<i>Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:</i>	<i>41</i>		<i>34.916.216.784</i>	<i>12.108.708.375</i>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		34.916.216.784	12.108.708.375

Dương Quỳnh
Người lập biểu

Dương Quỳnh
Q, Kế toán trưởng



Trần Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

(Các thuyết minh từ trang 16 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

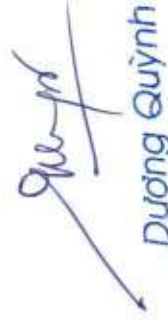
Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Chi tiêu	Số đầu kỳ						Số tăng/(giảm)						Số cuối kỳ	
	Kỳ trước		Kỳ này		Tăng		Kỳ trước (Giảm)		Kỳ này (Giảm)		Tăng		Kỳ trước	Kỳ này
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1	Vốn góp của chủ sở hữu	145.584.000.000	145.584.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	145.584.000.000	145.584.000.000
	Vốn pháp định	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
	Thặng dư vốn cổ phần	10.584.000.000	10.584.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.584.000.000	10.584.000.000
2	Lợi nhuận chưa phân phối	4.520.528.133	5.633.900.818	-	(177.714.054)	595.331.316	(857.983.598)	4.342.814.079	5.371.248.536					
	Lợi nhuận đã thực hiện	4.520.528.133	5.633.900.818	-	(177.714.054)	595.331.316	(857.983.598)	4.342.814.079	5.371.248.536					
	Cộng	150.104.528.133	151.217.900.818	-	(177.714.054)	595.331.316	(857.983.598)	149.926.814.079	150.955.248.536					

Khoản giảm lợi nhuận chưa phân phối là khoản chia lãi từ hợp đồng mua nợ chuyển đổi cho V.N.M (Thuyết minh 10).


Dương Quỳnh

Dương Quỳnh
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016




Trần Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Đ. Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 95/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 08 năm 2008;
- Quyết định số 225/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 01 tháng 04 năm 2009 về việc thay đổi trụ sở kinh doanh;
- Quyết định số 294/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 12 tháng 01 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Quyết định số 339/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 12 tháng 07 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện pháp luật;
- Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 03 năm 2016 về bổ sung nghiệp vụ kinh doanh (tự doanh chứng khoán).

Trụ sở chính tại số 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành ngày 20 tháng 08 năm 2007 và sửa đổi, bổ sung ngày 26 tháng 05 năm 2016.

Quy mô vốn

Vốn cổ phần của Công ty là 135.000.000.000 đồng.

Mục tiêu hoạt động: cung cấp dịch vụ hoàn hảo cho các nhà đầu tư, từng bước mở rộng thị trường, đẩy mạnh kinh doanh, tạo việc làm cho người lao động. Công ty được thành lập với mục đích tham gia cung cấp những nghiệp vụ chứng khoán chuyên nghiệp, góp phần vào sự phát triển mạnh mẽ của thị trường chứng khoán với phương châm “An toàn, hiệu quả, chuyên nghiệp và cạnh tranh”.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tự doanh chứng khoán.

Hạn chế đầu tư

Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 44 “Hạn chế đầu tư” Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn thành lập công ty chứng khoán và Khoản 14, Điều 1 Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 210/2012/TT-BTC.

Nhân viên

Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 29 người, trong đó có 10 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 23 người, trong đó có 10 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Kỳ kế toán này bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Kỳ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 12 tháng 08 năm 2008 (ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và thực hiện trên phần mềm kế toán trên máy vi tính.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Thực hiện kế toán công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho kỳ hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, ngoại trừ các thay đổi trong các chính sách kế toán trình bày dưới đây:

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán công ty chứng khoán ("Thông tư 210") thay thế Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính, và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty đã thực hiện trình bày lại số liệu các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo quy định của thông tư 210/2014/TT-BTC khi so sánh số liệu với báo cáo tài chính kỳ này.

Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng được quản lý tách bạch với tiền của Công ty và được trình bày ở các chi tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng (tài khoản ngoài bảng) của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính

Nguyên tắc phân loại FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu, AFS

Tài sản tài chính (TSTC) được phân loại thành các loại sau đây dựa trên bản chất và mục đích sở hữu tại ngày phát sinh.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

TSTC được phân loại theo FVTPL khi TSTC đó được nắm giữ để mua bán và được ghi nhận theo FVTPL tại ghi nhận ban đầu. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đính kèm, tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là chứng khoán giao dịch, trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa rủi ro.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là TSTC không phái sinh với việc thanh toán là cố định hay xác định được và ngày đáo hạn là cố định mà Công ty đã có ý định tích cực và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Cho vay và phải thu

TSTC không phái sinh với việc hoàn trả lại là cố định hay xác định được mà không được yết giá trên một thị trường hoạt động được phân loại là khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

TSTC không phái sinh mà không được phân loại là HTM, nắm giữ để mua bán; được chỉ định là theo FVTPL; hoặc cho vay và phải thu thì được phân loại là AFS.

Nguyên tắc phân loại nợ tài chính

Nợ tài chính được phân loại là nợ tài chính theo FVTPL hoặc nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

Nợ tài chính theo FVTPL

Nợ tài chính theo FVTPL bao gồm một khoản nợ tài chính nắm giữ để mua bán và một khoản nợ tài chính được chỉ định là theo FVTPL. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đi kèm tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là nợ tài chính nắm giữ để mua bán trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa hiệu quả. Tiêu chí để chỉ định nợ tài chính theo FVTPL trên ghi nhận ban đầu giống với các tiêu chí tài sản tài chính theo FVTPL.

Nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ

Các khoản nợ tài chính mà không được phân theo FVTPL thì được phân loại là nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính (tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường)

Giá thị trường làm căn cứ đánh giá lại được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá lại;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Chênh lệch tăng/giảm giữa giá trị tài sản tài chính và giá trị đánh giá lại được hoàn nhập/lập dự phòng. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí hoạt động trong kỳ.

Đối với các khoản cho vay, Công ty đánh giá tồn thất có khả năng xảy ra do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay và sẽ trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí hoạt động trong kỳ.

Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính

Công ty dừng ghi nhận một tài sản tài chính khi quyền nhận được luồng tiền từ tài sản tài chính hết hạn hoặc khi chuyển giao tài sản tài chính cùng với phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó cho người nhận tài sản tài chính. Nếu Công ty không chuyển giao cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó và tiếp tục kiểm soát tài sản đã chuyển giao, Công ty ghi nhận lợi ích còn lại của tài sản đó và các khoản công nợ liên quan đến việc kiểm soát tài sản. Công ty dừng ghi nhận nợ tài chính khi, và chỉ khi, nghĩa vụ của Công ty đã được miễn, hủy hoặc hết hạn.

3.3 Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định (tiếp theo)

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Thiết bị, dụng cụ quản lý	3	-	7	năm
Tài sản cố định khác	3	-	4	năm
Phần mềm máy tính	5	-	7	năm

3.4 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu về các tài sản tài chính

Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua Sở giao dịch chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này được theo dõi trên chỉ tiêu "Phải thu bán các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính riêng.

Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty được theo dõi trên chỉ tiêu "Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính riêng.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên hoặc không có khả năng thu hồi.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chỉ phí quản lý trong kỳ.

3.5 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.6 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.7 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn thành.

Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi thu nhập từ hoạt động góp vốn không chắc chắn.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.8 Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

3.9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo thu nhập toàn diện ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.10 Nguyên tắc ghi nhận, quản lý và trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính riêng về tài sản và nợ phải trả của khách hàng

Công ty quản lý tách bạch tiền gửi giao dịch chứng khoán của từng khách hàng, tách bạch tiền của khách hàng với tiền của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống quản lý tách bạch tiền của khách hàng theo phương thức khách hàng của Công ty mở tài khoản trực tiếp tại ngân hàng thương mại do Công ty lựa chọn để quản lý tiền giao dịch chứng khoán. Tài sản và nợ phải trả của khách hàng được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng của Công ty (ngoài bảng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Quản trị về rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

i. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

ii. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

iii. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

3.12 Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
Tiền	5.662.654.489	6.130.717.086
- Tiền mặt tại quỹ	216.878.528	2.493.214.642
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	5.445.775.961	3.637.502.444
Các khoản tương đương tiền	100.000.000.000	138.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	100.000.000.000	138.000.000.000
Cộng	105.662.654.489	144.130.717.086

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 4,9%/năm.

5. GIÁ TRỊ, KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

<i>Chi tiêu</i>	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</i>	<i>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</i>
a) Của Công ty		
- Cổ phiếu	2.269.150	39.074.800.000
Cộng	2.269.150	39.074.800.000
b) Của Nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	165.354.818	1.842.270.936.200
Cộng	165.354.818	1.842.270.936.200

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):

<i>Tài sản FVTPL</i>	<i>Cuối kỳ</i>		<i>Đầu kỳ</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>	<i>Giá trị ghi sổ VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>
Chứng khoán thương mại				
Cổ phiếu niêm yết	21.445.000.000	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết (Thuyết minh 10)	17.629.800.000	-	-	-
Cộng	39.074.800.000	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Các khoản cho vay và phải thu

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
Các khoản cho vay		
<i>Hoạt động margin</i>	14.874.208.066	-
<i>Ứng trước tiền bán chứng khoán</i>	5.883.939.648	4.592.611.551
Cộng	20.758.147.714	4.592.611.551
Các khoản phải thu		
<i>Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	217.777.778	258.878.000
Cộng	217.777.778	258.878.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

7. BẢNG TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ TRƯỞNG CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Các loại tài sản tài chính	Đơn vị: VND													
		Cuối kỳ					Đầu kỳ								
		1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)				
A	B	I	VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	VND	CL đánh giá kỳ này	VND	Chênh lệch tăng	VND	Chênh lệch giảm	VND	Giá trị đánh giá lại	VND
I	FVTPL	39.074.800.000	40.426.491.350	1.351.691.350	-	40.426.491.350	-	40.426.491.350	-	40.426.491.350	-	-	-	-	-
I	Cổ phiếu	39.074.800.000	40.426.491.350	1.351.691.350	-	40.426.491.350	-	40.426.491.350	-	40.426.491.350	-	-	-	-	-
	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCSC) (*) (Thuyết minh 10)	17.629.800.000	18.906.491.350	1.276.691.350	-	18.906.491.350	-	18.906.491.350	-	18.906.491.350	-	-	-	-	-
	Cổ phiếu GMD	21.445.000.000	21.520.000.000	75.000.000	-	21.520.000.000	-	21.520.000.000	-	21.520.000.000	-	-	-	-	-
II	Các khoản cho vay và phải thu	20.758.147.714	20.758.147.714	-	-	20.758.147.714	-	20.758.147.714	-	20.758.147.714	4.592.611.551	-	-	4.592.611.551	-
	Hoạt động margin	14.874.208.066	14.874.208.066	-	-	14.874.208.066	-	14.874.208.066	-	14.874.208.066	-	-	-	-	-
	Ứng trước tiền bán chứng khoán	5.883.939.648	5.883.939.648	-	-	5.883.939.648	-	5.883.939.648	-	5.883.939.648	4.592.611.551	-	-	4.592.611.551	-
	Cộng	59.832.947.714	61.184.639.064	1.351.691.350	-	61.184.639.064	-	61.184.639.064	-	61.184.639.064	4.592.611.551	-	-	4.592.611.551	-

(*) Giá trị thị trường là giá trị số dựa trên Báo cáo tài chính quý 2 năm 2016 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCSC).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

8. CÁC KHOẢN CHO VAY

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
Hoạt động margin	14.874.208.066	-
Bùi Đức Vinh	4.007.487	-
Hoàng Đức Thuận	4.499.363.387	-
Lã Thị Vân	39.559.250	-
Trần Quý Dương	1.329.247.923	-
Trần Thị Ngọc Nguyệt	4.497.846.325	-
Trần Thúy Hằng	10.289.868	-
Vũ Quang Tiệp	4.493.893.826	-
Ứng trước tiền bán chứng khoán	5.883.939.648	4.592.611.551
Đoàn Văn Chiến	510.057.601	-
Huỳnh Võ Tòng	745.979.383	254.873.424
Mai Văn Bình	679.814.816	-
Nguyễn Thị Anh Đào	1.220.343.625	361.368.481
Trần Thị Ngọc Nguyệt	737.000.000	-
Cao Khánh Chi	-	419.238.500
Nguyễn Phú Hiền	-	1.346.573.562
Nhữ Đình Thiện	-	949.792.450
Khác	1.990.744.223	1.260.765.134
Cộng	20.758.147.714	4.592.611.551

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	217.777.778	258.878.000
Cộng	217.777.778	258.878.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
<i>Phải thu khác ngắn hạn</i>		
Đỗ Thị Thanh Thủy	1.569.000.000	1.569.000.000
Lê Thị Thành	4.069.115.288	4.069.115.288
Thái Thụy Tuyết Hạnh	7.303.000.000	7.303.000.000
Thái Thụy Tuyết Ngân	9.753.339.819	9.753.339.819
Lê Phan Anh Thy	-	25.404.610
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo Gia Ân	330.627.562	253.693.670
Cộng	23.025.082.669	22.973.553.387
<i>Phải thu khác dài hạn</i>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hóa Sài Gòn (SCSC) (*)	11.753.200.000	29.383.000.000
Cộng	11.753.200.000	29.383.000.000
<i>Trong đó:</i>		
Dự phòng suy giảm giá trị khoản phải thu khác (Thuyết minh 11)	22.694.455.107	22.694.455.107

- (*) Công ty mua nợ chuyển đổi của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCSC) theo Hợp đồng mua bán nợ chuyển đổi số SCSC-02/04-2015 được ký vào ngày 09/04/2015. Theo đó, SCSC đồng ý bán một phần nợ chuyển đổi phát hành năm 2015 cho Công ty với giá trị khoản nợ là 29.383.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là trong vòng 2 năm kể từ ngày ký Hợp đồng mua nợ chuyển đổi, lãi suất đơn 4%/năm (lãi suất này sẽ không áp dụng đối với phần khoản nợ chuyển đổi đã được chuyển đổi thành cổ phần), thanh toán lãi một lần vào ngày tròn năm của khoản nợ chuyển đổi. Khoản nợ sẽ được chuyển đổi thành cổ phần SCSC như sau: sau 12 tháng kể từ ngày hợp đồng ký kết nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC tăng trên 60% (so với năm trước) thì chuyển đổi 60% số nợ trên thành cổ phần SCSC theo mức giá chuyển đổi là 12.000 đồng/cổ phần, sau 24 tháng kể từ ngày hợp đồng ký kết nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC tăng trên 60% (so với năm trước) thì chuyển đổi 40% số nợ còn lại thành cổ phần SCSC theo mức giá chuyển đổi là 12.000 đồng/cổ phần. Nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC không đạt trên 60% (so với năm trước) thì không thực hiện việc chuyển đổi, SCSC sẽ hoàn trả nợ gốc cho Công ty. Nếu chuyển đổi thì SCSC sẽ phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty và số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày phát hành.

Nguồn vốn thực hiện khoản đầu tư trên bao gồm vốn tự có của Công ty (2.938.000.000 đồng) và vốn huy động (26.445.000.000 đồng). Vốn huy động là vốn nhận được từ Hợp đồng hợp tác góp vốn đầu tư số 01/ISC-2015/ISC với Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp (V.N.M). Theo đó, V.N.M sẽ góp vốn tương ứng với tỷ lệ 90% trên tổng vốn dùng để mua nợ chuyển đổi trên và Công ty góp vốn tương ứng với tỷ lệ 10% trên tổng vốn này. Sau khi kết thúc thời hạn hợp tác, hiệu quả hợp tác góp vốn đầu tư được phân chia theo tỷ lệ Công ty và V.N.M là 10:90.

Tại ngày 29 tháng 06 năm 2016, 60% số nợ đã được chuyển đổi thành 1.469.150 cổ phần theo Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần số CD2149 do Công ty SCSC cấp cho Công ty (hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày phát hành). Đồng thời Công ty cũng nhận được khoản lãi theo quy định của hợp đồng là 1.192.000.930 đồng trong đó lãi V.N.M được hưởng là 857.983.598 đồng (sau thuế Thu nhập doanh nghiệp).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
 Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
 từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

11. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

STT	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi		Số trích lập trong kỳ		Số hoàn nhập trong kỳ		Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1	Các khoản phải thu khác										
	Đỗ Thị Thanh Thủy	1.569.000.000		-	-	-	-	-	1.569.000.000	-	1.569.000.000
	Lê Thị Thành	4.069.115.288		-	-	-	-	-	4.069.115.288	-	4.069.115.288
	Thái Thụy Tuyết Hạnh	7.303.000.000		-	-	-	-	-	7.303.000.000	-	7.303.000.000
	Thái Thụy Tuyết Ngân	9.753.339.819		-	-	-	-	-	9.753.339.819	-	9.753.339.819
	Cộng	22.694.455.107		-	-	-	-	-	22.694.455.107	-	22.694.455.107

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMĐịa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189**Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 30 tháng 06 năm 2016****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN, DÀI HẠN**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Phí quản lý, giao dịch tại TTLKCK	202.999.999	-
Phí sửa chữa logo	47.040.000	-
Chi phí chờ phân bổ khác	6.000.000	-
Cộng	256.039.999	-
Chi phí trả trước dài hạn		
Phí sửa chữa văn phòng 121 Lê Lợi	-	73.680.924
Chi phí chờ phân bổ khác	255.896.046	192.268.976
Cộng	255.896.046	265.949.900

13. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Dự phòng giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác là dự phòng cho khoản tạm ứng của Nguyễn Thái Sơn đã nghỉ việc.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

<i>Chi tiêu</i>	<i>Máy móc, thiết bị VND</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý VND</i>	<i>Tài sản cố định khác VND</i>	<i>Cộng VND</i>
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	-	6.643.441.290	131.753.825	6.775.195.115
Mua mới	122.727.273	-	-	122.727.273
Thanh lý	-	(100.511.178)	-	(100.511.178)
Số cuối kỳ	122.727.273	6.542.930.112	131.753.825	6.797.411.210
Hao mòn lũy kế				
Số đầu kỳ	-	6.600.399.643	131.753.825	6.732.153.468
Khấu hao trong kỳ	1.704.545	43.041.647	-	44.746.192
Thanh lý	-	(100.511.178)	-	(100.511.178)
Số cuối kỳ	1.704.545	6.542.930.112	131.753.825	6.676.388.482
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	-	43.041.647	-	43.041.647
Số cuối kỳ	121.022.728	-	-	121.022.728
<i>Trong đó:</i>				
Hết khấu hao đang sử dụng (NG)	-	6.542.930.112	131.753.825	6.674.683.937

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

<i>Chi tiêu</i>	<i>Chương trình phần mềm VND</i>
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	1.154.058.000
Tăng khác	150.000.000
Số cuối kỳ	1.304.058.000
Hao mòn lũy kế	
Số đầu kỳ	1.054.058.917
Khấu hao trong kỳ	70.263.236
Số cuối kỳ	1.124.322.153
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	99.999.083
Số cuối kỳ	179.735.847

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
Hệ thống phần mềm quản lý	318.000.000	-
Nâng cấp phần mềm Bravo	-	45.000.000
Cộng	318.000.000	45.000.000

17. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.818.087.901	1.749.975.079
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	1.050.624.760	1.050.624.760
Cộng	2.988.712.661	2.920.599.839

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Sở giao dịch chứng khoán - phí giao dịch	111.602.126	89.358.479
Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) - phí lưu ký và chuyển khoản	37.097.246	23.026.294
Cộng	148.699.372	112.384.773

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Công ty TNHH TM Quả Cầu Vàng	1.170.000.000	870.000.000
Công ty TNHH Du Lịch Tiến Đạt	-	511.005.000
Phải trả người bán khác	99.016.064	108.909.993
Cộng	1.269.016.064	1.489.914.993

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Thuế giá trị gia tăng	37.061.855	111.302.231
Thuế thu nhập doanh nghiệp	110.091.631	264.818.424
Thuế thu nhập cá nhân	716.594.924	631.571.131
Thuế khác	-	26.300.000
Cộng	863.748.410	1.033.991.786

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Chi phí hoạt động	50.000.000	72.821.291
Cộng	50.000.000	72.821.291

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
<i>Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn</i>		
Nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng	466.320.000	488.320.000
Các đối tượng khác	14.800.000	61.441.404
Phải trả phí hoa hồng nhóm cộng tác viên	102.383.143	-
Phải trả khác	21.666.403	-
Cộng	605.169.546	549.761.404
<i>Phải trả, phải nộp khác dài hạn</i>		
Cty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M (Thuyết minh 10)	27.302.983.598	26.445.000.000
Cộng	27.302.983.598	26.445.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Tỷ lệ sở hữu	Cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu	Đầu kỳ
	%	VND	%	VND
Công ty CP Đại lý Liên hiệp vận chuyên	9,80	13.230.000.000	9,80	13.230.000.000
Công ty CP Hàng hải Ngân Hà	9,80	13.230.000.000	9,80	13.230.000.000
Công ty CP Bông Sen Vàng	9,80	13.230.000.000	9,80	13.230.000.000
Công ty TNHH DV Vận tải tổng hợp (V.N.M)	9,80	13.230.000.000	9,80	13.230.000.000
Ông Lê Quang Sự (*)	0,00	-	0,52	700.000.000
Ông Trần Đức Thuận	4,90	6.615.000.000	4,90	6.615.000.000
Ông Ngô Thọ Nguyên	4,90	6.615.000.000	4,90	6.615.000.000
Bà Trần Kiều Minh	4,90	6.615.000.000	4,90	6.615.000.000
Bà Trần Thị Khôi Nguyên	4,60	6.210.000.000	4,60	6.210.000.000
Bà Nguyễn Thanh Hải	4,50	6.075.000.000	4,50	6.075.000.000
Ông Nguyễn Xuân Trường	4,50	6.075.000.000	4,50	6.075.000.000
Bà Dương Quỳnh	4,50	6.075.000.000	4,50	6.075.000.000
Bà Nguyễn Thị Ái Vân	4,00	5.400.000.000	4,00	5.400.000.000
Bà Bùi Thị Song Thái	4,00	5.400.000.000	4,00	5.400.000.000
Bà Trần Thị Thu Thảo	3,90	5.260.000.000	3,90	5.260.000.000
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	4,41	5.960.000.000	3,90	5.260.000.000
Ông Phạm Văn Thành	3,90	5.260.000.000	3,90	5.260.000.000
Bà Trần Thị Bích Hạnh	3,90	5.260.000.000	3,90	5.260.000.000
Bà Ngô Thị Thanh	3,90	5.260.000.000	3,90	5.260.000.000
Cộng	100,00	135.000.000.000	100,00	135.000.000.000

(*) Ông Lê Quang Sự chuyển nhượng 70.000 cổ phần với tổng mệnh giá là 700.000.000 đồng cho Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh theo Hợp đồng mua bán cổ phần ngày 22 tháng 01 năm 2016.

b. Cổ phiếu

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	13.500.000	13.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.500.000</i>	<i>13.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.500.000	13.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.500.000</i>	<i>13.500.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	501.087.280.000	201.376.350.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	147.500.000.000	135.000.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	120.798.850.000	38.561.680.000
<i>Tài sản tài chính tạm ngừng giao dịch</i>	<i>30.494.400.000</i>	<i>21.721.800.000</i>
<i>Tài sản tài chính chờ giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>88.364.450.000</i>	<i>1.536.950.000</i>
<i>Tài sản tài chính chờ giao dịch hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>1.940.000.000</i>	<i>15.302.930.000</i>
Tài sản tài chính chờ thanh toán của Nhà đầu tư	6.348.700.000	5.181.800.000
Cộng	775.734.830.000	380.119.830.000

Giá trị tài sản tài chính được phản ánh theo mệnh giá.

25. CỐ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ CÁC TSTC THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn cố định	500.933.111	498.911.112
Cộng	500.933.111	498.911.112

26. LÃI TỪ CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ PHẢI THU

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Tiền lãi gốc cho vay hoạt động margin	5.039.520	-
Tiền lãi gốc cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	283.650.777	475.444.762
Cộng	288.690.297	475.444.762

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Lãi tiền gửi không cố định	84.228.685	30.631.045
Lãi mua nợ chuyển đổi (Thuyết minh 10)	1.191.643.887	-
Cộng	1.275.872.572	30.631.045

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý (lương và các khoản phúc lợi) BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.578.504.543	1.836.726.455
Chi phí công cụ, dụng cụ	98.262.000	260.688.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	86.818.821	10.574.982
Chi phí thuế, phí và lệ phí	115.009.428	844.527.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.539.881	66.534.047
Chi phí khác	1.314.788.656	1.572.379.198
	189.616.190	239.136.445
Cộng	3.488.539.519	4.830.567.090

29. THU NHẬP KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Thanh lý TSCĐ	909.091	4.000.000
Thanh lý CCDC	2.272.727	-
Cho thuê mặt bằng (*)	2.460.528.603	2.586.462.838
Thu nhập khác	-	569.287.034
Cộng	2.463.710.421	3.159.749.872

(*) Công ty tận dụng mặt bằng chưa sử dụng để cho thuê tạo thêm thu nhập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

30. CHI PHÍ KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
Chi phí phạt, bồi thường	-	60.000.000
Chi phí khác	-	20.000.000
Cho thuê mặt bằng	375.383.149	-
Cộng	375.383.149	80.000.000

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được.

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo thu nhập toàn diện riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
Lợi nhuận kế toán (1)	705.422.947	(177.714.054)
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	62.812.988	104.640.809
Các khoản điều chỉnh (giảm) (3)	(217.777.778)	(250.800.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN (4) = (1) + (2) + (3)	550.458.157	(323.873.245)
Thu nhập tính thuế (5)	550.458.157	-
Thuế suất (6)	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (7) = (5) * (6)	110.091.631	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	264.818.424	264.818.424
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(264.818.424)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	110.091.631	264.818.424

b. Tình hình quyết toán thuế TNDN

Thuế thu nhập doanh nghiệp đã được quyết toán với cơ quan thuế đến năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)	595.331.316	(177.714.054)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2) (Thuyết minh 10)	(857.983.598)	-
Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2)	(262.652.282)	(177.714.054)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (4)	13.500.000	13.500.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	(19)	(13)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
 Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
 từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Giá trị	VND	Giá trị	VND	Dự phòng	VND	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
							VND	VND
Tài sản tài chính								
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.662.654.489		-	144.130.717.086	-	-	105.662.654.489	144.130.717.086
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	39.074.800.000		-	-	-	-	39.074.800.000	-
Các khoản cho vay	20.758.147.714		-	4.592.611.551	-	-	20.758.147.714	4.592.611.551
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	217.777.778		-	258.878.000	-	-	217.777.778	258.878.000
Phải thu khác ngân hàng	23.025.082.669		22.694.455.107	22.973.553.387	22.694.455.107	-	330.627.562	279.098.280
Tạm ứng	397.637.922		32.116.772	355.872.087	32.116.772	-	365.521.150	323.755.315
Phải thu khác dài hạn	11.753.200.000		-	29.383.000.000	-	-	11.753.200.000	29.383.000.000
Cộng	200.889.300.572		22.726.571.879	201.694.632.111	22.726.571.879		178.162.728.693	178.968.060.232
Nợ tài chính								
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	148.699.372		-	112.384.773	-	-	148.699.372	112.384.773
Phải trả người bán ngắn hạn	1.269.016.064		-	1.489.914.993	-	-	1.269.016.064	1,489.914,993
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	863.748.410		-	1,033,991,786	-	-	863,748,410	1,033,991,786
Chi phí phải trả ngắn hạn	50.000.000		-	72.821.291	-	-	50.000.000	72.821.291
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	408.240.000		-	408.240.000	-	-	408.240.000	408.240.000
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	605.169.546		-	549.761.404	-	-	605.169.546	549.761.404
Phải trả, phải nộp khác dài hạn	27.302.983.598		-	26.445.000.000	-	-	27.302.983.598	26.445.000.000
Cộng	30.647.856.990		-	30.112.114.247	-	-	30.647.856.990	30.112.114.247

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được xác định theo giá trị thị trường.

34. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro tiền tệ: Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất: Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán. Công ty không chịu rủi ro lãi suất trên các khoản vay do không có phát sinh các khoản vay.

Rủi ro về giá: Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

b. Rủi ro tín dụng

Công ty không có rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng do Công ty quản lý tài sản của khách hàng. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên Báo cáo tình hình tài chính riêng. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, các khoản cho vay, các khoản phải thu khác.

c. Rủi ro thanh khoản

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

34. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

<i>Nợ tài chính</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Đầu kỳ				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	112.384.773	-	-	112.384.773
Phải trả người bán ngắn hạn	1.489.914.993	-	-	1.489.914.993
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.033.991.786	-	-	1.033.991.786
Chi phí phải trả ngắn hạn	72.821.291	-	-	72.821.291
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	408.240.000	-	-	408.240.000
Phải trả, phải nộp khác	549.761.404	26.445.000.000	-	26.994.761.404
Cuối kỳ				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	148.699.372	-	-	148.699.372
Phải trả người bán ngắn hạn	1.269.016.064	-	-	1.269.016.064
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	863.748.410	-	-	863.748.410
Chi phí phải trả ngắn hạn	50.000.000	-	-	50.000.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	408.240.000	-	-	408.240.000
Phải trả, phải nộp khác	605.169.546	27.302.983.598	-	27.908.153.144

d. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty.

Công ty có nhóm tài sản tài chính quá hạn và giảm giá trị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Trong đó</i>	
		<i>Quá hạn</i>	<i>Giảm giá</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn	23.025.082.669	22.694.455.107	-
Tạm ứng	397.637.922	32.116.772	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Đối tượng</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Giá trị VND</i>
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp (V.N.M)	Cổ đông	Tiền lãi hợp tác đầu tư	857.983.598

b. Số dư công nợ phải trả với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 06 năm 2016:

<i>Đối tượng</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Phải trả VND</i>
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp (V.N.M)	Cổ đông	27.302.983.598

c. Giao dịch với thành viên ban lãnh đạo chủ chốt:

<i>Đối tượng</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Hội đồng Quản trị	Thù lao	420.000.000	360.000.000
Ban Kiểm soát	Thù lao	288.000.000	-
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	Lương	549.376.341	483.325.412

36. THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh là các thông tin trên các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI) và được trình bày lại cho phù hợp với thông tin trình bày cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

37. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
1. Bố trí cơ cấu tài sản		
- Tài sản dài hạn/ Tổng Tài sản (%)	8,57%	17,96%
- Tài sản cố định/ Tổng Tài sản (%)	0,16%	0,08%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	91,43%	82,04%
2. Tình hình tài chính		
- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản (%)	17,19%	17,08%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn (lần)	35,85 lần	30,71 lần
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/ Tổng vốn chủ sở hữu) (%)	0,20%	0,09%
- Khả năng thanh toán ngắn hạn (lần)	41,29 lần	31,88 lần
- Khả năng thanh toán nhanh (lần)	26,17 lần	30,71 lần
<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
1. Tỷ suất sinh lợi		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	14,97%	(7,23)%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	0,39%	(0,12)%

38. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

<i>STT</i>	<i>Các chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	3.240.440.000	-
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	30.553.022.084	33.512.899.741
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	27.000.000.000	27.000.000.000
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	60.793.462.084	60.512.899.741
5	Vốn khả dụng	168.179.124.647	167.262.010.441
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)	276,64%	276,41%

Dương Quỳnh
Người lập biểu

Dương Quỳnh
K. Kế toán trưởng



Trần Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016